

MỘT SỐ HƯỚNG NGHIÊN CỨU TIỂU THUYẾT HẬU CHIẾN Ở VIỆT NAM

Nguyễn Phương Hà

Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

Tóm tắt. Tiểu thuyết thực chất cũng là một loại diễn ngôn. Nó chịu sự chi phối của nhiều loại mã như mã thể loại, mã ngôn ngữ, mã ý thức hệ, mã lịch sử... Trong khoảng 10 năm sau cuộc kháng chiến chống Mỹ, thống nhất đất nước, tiểu thuyết Việt Nam đạt được nhiều thành tựu. Nó có diện mạo riêng, có được sự phong phú và hấp dẫn khác với thời kì trước định hình nên một giai đoạn tiểu thuyết được nhiều nhà nghiên cứu định danh là tiểu thuyết hậu chiến. Nhiều cuốn tiểu thuyết ngay khi ra đời đã nhận được sự quan tâm mạnh mẽ của dư luận. Chúng được các nhà nghiên cứu tìm hiểu, phân tích từ nhiều góc độ khác nhau như phương diện ý thức hệ; thi pháp thể loại, cách tân về ngôn ngữ... Ở bài viết này, chúng tôi sẽ trình bày một cách hệ thống về những hướng nghiên cứu trên trong đó đi sâu hơn vào tiểu thuyết của hai nhà văn tiêu biểu là Chu Lai và Bảo Ninh.

Từ khóa: tiểu thuyết, hậu chiến, Chu Lai, Bảo Ninh.

1. Mở đầu

Trong khoảng 10 năm sau cuộc kháng chiến chống Mỹ, thống nhất đất nước, tiểu thuyết đã có những chuyển biến đáng kể trong việc tiếp cận, đổi mới về đề tài, cảm hứng, các phạm trù thẩm mỹ, quan niệm nghệ thuật về con người. Nhiều tác phẩm ngay khi ra đời đã nhận được sự quan tâm mạnh mẽ của dư luận từ những nhà nghiên cứu chuyên nghiệp đến những người có tình yêu sâu sắc với văn học Việt Nam đương đại. Có thể kể đến một số công trình tiêu biểu như: *Tiểu thuyết Việt Nam sau 1975 - nhìn từ góc độ thể loại* (Bùi Việt Thắng), *Ý thức cách tân trong tiểu thuyết Việt Nam sau 1975* (Nguyễn Bích Thu), *Nỗi buồn chiến tranh - viết về chiến tranh thời hậu chiến, từ chủ nghĩa anh hùng đến nhu cầu đổi mới bút pháp* (Phạm Xuân Thạch) in trong cuốn *Văn học Việt Nam sau 1975 những vấn đề nghiên cứu và giảng dạy*, *Tiểu thuyết Việt Nam sau 1986- Dấu ấn đổi mới qua đề tài, chủ đề và phương thức thể hiện* (Nguyễn Thành); *Tiểu thuyết viết về chiến tranh sau 1975- nhìn từ góc độ nhận thức và nghệ thuật thể hiện* (Trần Thị Mai Nhân); *Những cách tân nghệ thuật trong tiểu thuyết Việt Nam đương đại giai đoạn 1986-2006* (Mai Hải Oanh)... Những công trình này chủ yếu tiếp cận tiểu thuyết chiến tranh giai đoạn này từ góc độ thi pháp thể loại. Trong khi đó, một số công trình khác lại tập trung bàn về vấn đề hiện thực chiến tranh, về người lính và số phận con người: *Người lính sau hòa bình trong tiểu thuyết chiến tranh thời kỳ đổi mới* (Nguyễn Thị Hương Giang); *Cái nhìn mới về người lính và sự thay đổi quan niệm về đề tài tiểu thuyết Việt Nam sau 1975* (Nguyễn Tiến Đức); *Chiến tranh và những vấn đề hậu chiến trong tiểu thuyết Việt Nam đương đại* (Đỗ Hải Ninh); *Con người trong tiểu thuyết thời hậu chiến viết về chiến tranh* (Nguyễn Thị Kim Tiến)... Như vậy, có thể nói, các công trình này đã soi chiếu tiểu thuyết chiến tranh giai đoạn có tính chuyên tiếp này từ nhiều góc độ khiến cho nhiều vỉa tầng giá trị của chúng được khơi mở.

Ngày nhận bài: 11/4/2020. Ngày sửa bài: 27/4/2020. Ngày nhận đăng: 14/5/2020.

Tác giả liên hệ: Nguyễn Phương Hà. Địa chỉ e-mail: hanp.sp2@gmail.com

Song một cái nhìn hệ thống về mảng này lại chưa có. Đây chính là tiền đề để chúng tôi tiến hành nghiên cứu một cách hệ thống về các khuynh hướng tiếp nhận tiểu thuyết chiến tranh từ 1975 đến 1986 tại Việt Nam. Qua đó, thấy được sự hấp dẫn, giá trị đóng góp của tiểu thuyết giai đoạn này đồng thời tạo nền tảng để các nhà nghiên cứu có thể nhìn thấy các khoảng trống, từ đó có thể tiếp tục nghiên cứu trong thời gian tới.

2. Nội dung nghiên cứu

Giai đoạn từ năm 1975 đến 1985 là thời kì vừa khắc phục hậu quả chiến tranh, vừa xây dựng đất nước. Đặc trưng lớn nhất của văn xuôi nói chung và tiểu thuyết nói riêng ở giai đoạn này là sự chuyển tiếp giữa hai giai đoạn: văn học chiến tranh và văn học đổi mới. Xem xét tiểu thuyết 1975-1985 với ý nghĩa gạch nối, người nghiên cứu hoàn toàn có thể so sánh những đặc điểm giống và khác biệt của giai đoạn này với giai đoạn 1945 - 1975 và sau 1986. Tiểu thuyết 1975 - 1985 vừa có thể gọi là tiểu thuyết hậu chiến vừa có thể coi là tiểu thuyết giai đoạn tiền đổi mới. Do đó, bản thân những nghiên cứu về tiểu thuyết giai đoạn này cũng hứa hẹn nhiều điểm thú vị. Sau đây, chúng tôi sẽ đi vào những hướng tiếp cận chính.

2.1. Tiếp cận tiểu thuyết hậu chiến Việt Nam từ góc nhìn ý thức hệ

Thời kì hậu chiến là thời kì mà những xáo trộn do chiến tranh gây ra đã qua đi. Con người đi từ đời sống bất bình thường trở về cuộc sống đời thường. Do đó, người ta có điều kiện suy ngẫm lại nhiều điều. Nhiều ngộ nhận được lí giải, nhiều vấn đề được quan điểm theo một chiều hướng khác. Nghĩ khác, vì vậy mà cũng viết khác. Nhiều cuốn tiểu thuyết viết trong giai đoạn hậu chiến được ra đời trong bối cảnh như vậy. Đến lượt mình, những nhà nghiên cứu lại đi ngược lại hành trình ấy để khám phá và lí giải.

Trên *Tạp chí Văn học* (số 6/1991), với bài viết *Văn xuôi gần đây và quan niệm về con người*, nhà nghiên cứu Bùi Việt Thắng đã đánh giá những thay đổi trong quan niệm con người cũng như nêu lên các đặc điểm cơ bản trong quan niệm về con người của văn học sau đổi mới [1;17]. Đặc biệt, trong bài viết này, tác giả phân tích *Nỗi buồn chiến tranh* trong vai trò một tiểu thuyết tiêu biểu thể hiện rõ rệt quan niệm con người dám nhìn lại, dám vượt lên và tranh đấu với quá khứ với hình tượng nhân vật Kiên [1;19]. Thời đại nào, giai đoạn nào con người chẳng có ý thức muốn đánh giá, nhìn nhận lịch sử song do sự chi phối của mã tư tưởng hệ mà sự nhìn nhận đó mỗi thời kì lại khác nhau. Nếu như trong những tác phẩm viết trước năm 1975, người ta thấy tiếng ca “Đường ra trận mùa này đẹp lắm” thì sau đổi mới, rất nhiều tác phẩm thể hiện cái nhìn ngoái lại, thờ thẩn, dăm dăm của một người lính khi đã tàn cuộc. Cái nhìn dằng dặc, đầy phân tán nhưng không hề lơ đãng. Văn học nói nhiều đến tính chính nghĩa, tính anh hùng, cách mạng nhưng chưa có gì đáng kể về tính tàn bạo, tính hủy diệt, bi thảm của nó, những tính chất không thể hiện ở cái chết nơi chiến trận, mà còn mở rộng thành cái chết nơi tâm hồn... Tổng kết lại, Đỗ Đức Hiểu trong bài viết “*Thân phận tình yêu*” của *Bảo Ninh* (in trong cuốn *Thi pháp hiện đại*) khẳng định: “*Nỗi buồn chiến tranh* thể hiện điểm nhìn mới về cuộc chiến kéo dài 35 năm. Nỗi buồn chiến tranh và nỗi buồn tình yêu thấm vào nhau” [2;265].

Bên cạnh *Nỗi buồn chiến tranh*, tiểu thuyết *Thời xa vắng* của Lê Lựu cũng được các nhà nghiên cứu đánh giá cao về sự thay đổi trong ý thức hệ. Có thể kể đến những bài viết của các nhà nghiên cứu: Nguyễn Hòa, Ngô Vĩnh Bình, Nguyễn Ngọc Thiện, Vương Trí Nhàn, Trần Đăng Khoa... Hầu hết các ý kiến đều cho rằng, *Thời xa vắng* đã phản ánh sinh động quá trình chuyển biến trong cách nhìn nhận đánh giá lại hiện thực... Sự phản ánh chân thực, sinh động hoàn cảnh nhào nặn nên con người Giang Minh Sài. Sự nín chịu nhẫn nhục và vùng vẫy cuống cuống, những thay đổi trong tâm lí và hành động của anh ta đã được Lê Lựu xây dựng lại, lôi cuốn mạnh người đọc, gợi ra những liên tưởng có ý nghĩa xã hội mà hiện nay mọi người đang rất quan tâm... *Thời xa vắng* với cách nhìn hiện thực mới, phản ánh khá sâu sắc một giai

đoạn của tâm lí nông dân, giai đoạn vùng lên, hoà theo, nhập thân hoàn toàn vào đời sống của một xã hội mới.

2.2. Tiếp cận tiểu thuyết hậu chiến Việt Nam từ góc nhìn thi pháp thể loại

Nói như Bakhtin, tiểu thuyết là một thể loại trẻ, bộ xương thể loại của nó chưa đông kết [3;32]. Do đó, trong khi các thể loại khác đã định hình thì tiểu thuyết là thể loại duy nhất còn đang vận động. Sự vận động của tiểu thuyết là do các nhà văn không ngừng cách tân, làm mới cho tiểu thuyết khiến cho những ranh giới cũ bị phá vỡ. Sau năm 1975, các nhà văn Việt Nam cũng có nhiều tìm tòi đóng góp vào kĩ thuật kể của tiểu thuyết nói chung. Về những đóng góp cho thể loại tiểu thuyết Việt Nam hiện đại, có lẽ khó có cuốn sách nào vượt qua được *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh. Qua bài viết *Nỗi buồn chiến tranh - viết về chiến tranh thời hậu chiến, từ chủ nghĩa anh hùng đến nhu cầu đổi mới bút pháp*, Phạm Xuân Thạch đã chỉ ra sự cách tân trong nghệ thuật viết tiểu thuyết của Bảo Ninh, đó là dịch chuyển toàn bộ phạm vi tồn tại của nhân vật trung tâm từ đời sống xã hội và đời sống tâm lí đầy những dằn vặt, âm ức. Mặt khác, tác giả còn dẫn dắt người đọc tìm hiểu thể giới nhân vật, biểu tượng và ý nghĩa để từ đó khái quát được cái nhìn mới về hiện thực chiến tranh và con đường mới viết về chiến tranh trong thời hậu chiến: “Trong *Nỗi buồn chiến tranh*, Bảo Ninh đã xác lập cái nhìn mới mẻ về hiện thực lịch sử, hiện thực chiến tranh. Cái mới ở đây được xác định không chỉ ở việc anh đưa vào trong tác phẩm của mình những chất liệu hiện thực chưa từng có trong chiến tranh mà còn thể hiện ở việc anh tìm đến một phương pháp tiếp cận hiện thực khác với phương pháp điển hình hóa của văn học hiện thực truyền thống... Bảo Ninh đã đẩy khuynh hướng nghệ thuật của những nhà văn đi trước đến một chiều kích mới, từ bỏ hình thức tiểu thuyết truyền thống để theo đuổi tiểu thuyết tâm lí” [4;236]. Có thể nói, đây cũng là “mảnh đất” để những ai yêu thích văn học đổi mới có thể tìm tòi và suy ngẫm, khám phá những sáng tác của Bảo Ninh khi viết về hình tượng người lính. Ở góc nhìn khác, tác giả Nguyễn Đăng Điệp phân tích sâu vào kĩ thuật dòng ý thức trong cuốn tiểu thuyết. Tác giả nhấn mạnh: “Toàn bộ tác phẩm là niềm khắc khoải không nguôi của một người lính bước ra từ cuộc chiến khắc nghiệt ấy. Vì thế nó trung thực đến tận đáy...” (*Kĩ thuật dòng ý thức trong tiểu thuyết Nỗi buồn chiến tranh* (in trong sách *Tự sự học*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội) [5;399]. Về thời gian nghệ thuật trong tác phẩm, có thể thấy, với *Nỗi buồn chiến tranh*, Bảo Ninh đã xây dựng một không gian đa chiều về hiện thực chiến tranh, điều mà các tiểu thuyết viết về chiến tranh trước đó chưa làm được. Cả quãng đời thơ ấu, đi học, trước chiến tranh và sau chiến tranh của nhân vật Kiên không diễn ra liên tục, đều đặn mà lần giờ theo hồi ức, sự xê dịch trong *Nỗi buồn chiến tranh* là một thách thức với người đọc.

Bên cạnh *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh, các nhà nghiên cứu cũng nhận thấy nhiều cuốn tiểu thuyết của nhà văn Chu Lai có những đóng góp về phương diện thi pháp thể loại. Phan Cự Đệ trong bài viết *Tiểu thuyết Việt Nam những năm đầu thời đổi mới* đăng trên *Tạp chí Văn nghệ Quân đội* (tháng 3/2001) nói rõ hơn: “Tiểu thuyết của Chu Lai không chỉ đa dạng các phương thức tiếp cận cả trong các biện pháp nghệ thuật, kết hợp độc thoại nội tâm, dòng ý thức, nghệ thuật đồng hiện” [6;99]. Hồng Diệu trong bài viết *Vấn đề của tiểu thuyết Vòng tròn bệ* in trên *Tạp chí Văn nghệ Quân đội* (số 5/1991) bổ sung thêm: “Về phương diện nghệ thuật, Chu Lai đã góp thêm cái nhìn rộng hơn vào hiện thực đời sống hôm nay ở các góc ngách của nó. Với nghệ thuật miêu tả nhân vật, nghệ thuật xây dựng tình huống, xung đột với cái nhìn mạnh dạn, Chu Lai đã có những trang viết hấp dẫn khiến người đọc đã cầm sách là phải theo đuổi câu chuyện đến cùng” [7;19]. Trong khi đó, tác giả Tôn Phương Lan với bài viết *Chiến tranh qua những tác phẩm văn xuôi được giải ở Tạp chí Văn học* (số 3/1980) nhận thấy: “Đọc Chu Lai, người ta thấy anh có lối viết truyện trình thám: thắt nút, cởi nút rõ ràng. Dù ngôi người kể chuyện trong tác phẩm của anh là “tôi - nhân vật”, ở nhiều chương đoạn, tác giả vẫn xuất hiện và nồng nhiệt bàn luận [8; 24]. Bên cạnh đó, bàn về điểm nhìn trần thuật trong tiểu thuyết

của Chu Lai, tác giả Mai Hải Oanh trong cuốn *Những cách tân nghệ thuật trong tiểu thuyết Việt Nam đương đại giai đoạn 1986-2006* của Nxb Hội Nhà văn (2009) cùng quan điểm: “Việc phối hợp và di chuyển điểm nhìn bên ngoài và điểm nhìn bên trong sẽ giúp nhà văn có điều kiện trở nhiều ô cửa để khám phá đời sống từ nhiều góc độ khác nhau. Theo đó, nhà văn có đủ điều kiện để đào sâu vào cả tầng vô thức cũng như mô tả sinh động những đường quanh tâm trạng đầy tinh vi của nhân vật” [9,158]. Về kĩ thuật dòng ý thức trong tiểu thuyết Chu Lai, tác giả Bích Thu trong bài viết *Ý thức cách tân trong tiểu thuyết Việt Nam sau 1975* (in trong cuốn *Văn học Việt Nam sau 1975 những vấn đề nghiên cứu và giảng dạy*, Nxb Giáo dục) cũng khẳng định: “Với *Án mỳ dĩ vãng*, nhà văn Chu Lai muốn gửi đến bạn đọc thông điệp đừng lãng quên quá khứ. Nhân vật Hai Hùng với tư cách người kể chuyện xưng tôi trong tác phẩm để từ một sự việc cụ thể của hiện tại gợi lại trong ký ức của anh những kỷ niệm đã qua. Nhân vật chìm trong hồi tưởng. Trạng thái cảm xúc, suy nghĩ, liên tưởng bất chợt như những dòng chảy, thay thế nhau, đan xen nhau một cách lạ lùng, phi lôgic. Đó là dòng chảy tự nhiên của ý thức con người, trong dòng chảy đó bộc lộ những bí mật của nội tâm nhân vật” [10;225]. Ở một chỗ khác, Bích Thu lại đề cập đến một khía cạnh của thi pháp tiểu thuyết sau 1975 và trong tiểu thuyết Chu Lai sau những năm đổi mới đến nay đã sử dụng mô típ giấc mơ, giấc mơ chiếm bao như một ngôn ngữ độc thoại đặc biệt để giả mã thế giới vô thức của con người. Thủ pháp này thể hiện rõ trong *Án mỳ dĩ vãng* của Chu Lai [10;227]. Bên cạnh kĩ thuật dòng ý thức, tiểu thuyết của Chu Lai còn hấp dẫn người đọc ở giọng điệu đặc biệt. Trong bài viết *Nội lực Chu Lai* in trên *Tạp chí nhà văn* (số 8/2006), tác giả Bùi Việt Thắng nhận xét: “Đọc tiểu thuyết Chu Lai, người ta nhận ra một giọng điệu nồng nhiệt bàn luận, giọng nồng nhiệt và đắm đuối, giọng từng trải và chiêm nghiệm” [11;48]. Trong bài viết *Tập truyện ngắn Phở nhà binh* đăng trên *Tạp chí Văn nghệ Quân đội* (số 7/1993), Lí Hoài Thu cho rằng: “Về bút pháp, Chu Lai đã sáng tạo ra được sự đa dạng về màu sắc thẩm mỹ, đa chiều về thời gian, không gian, đa thanh về giọng điệu, âm hưởng” [12;47]. Như vậy, nhận định của Lý Hoài Thu đã bao quát đầy đủ về bút pháp nghệ thuật Chu Lai ở hầu hết các phương diện đa dạng màu sắc thẩm mỹ, đa thanh về giọng điệu, yếu tố kịch tính, kết cấu.

Trong văn xuôi hậu chiến Việt Nam, tiểu thuyết *Chim én bay* của Nguyễn Trí Huân, *Thượng Đức* của Nguyễn Bảo cũng là những tác phẩm được các nhà nghiên cứu chú ý về thi pháp thể loại. Tiêu biểu trong số đó phải kể đến bài viết *Chim én bay - Một cách nhìn về chiến tranh* của Phạm Hoa đăng trên báo *Văn nghệ* (số 37/ 1989). Tác giả cho rằng Nguyễn Trí Huân đã thể hiện nhận thức về hiện thực tàn khốc của chiến tranh bằng “lối viết bộc lộ tính người”, “giọng văn chứa đầy trần trụi, suy nghĩ nặng nề tâm trạng” [13;6]. Ngô Vĩnh Bình trong một bài viết với nhan đề *Đồng hiện - Một thủ pháp nghệ thuật có hiệu quả trong tiểu thuyết Chim én bay* đăng trên báo *Văn nghệ* (số 51/1990) thì chú ý đến thủ pháp đồng hiện trong tác phẩm: “Đọc *Chim én bay*, người đọc vừa như thấy lại những năm tháng chiến tranh với tất cả sự khốc liệt của nó... lại vừa như đứng trước những vấn đề thời sự của cuộc sống hôm nay như: Vấn đề cách nghĩ, cách sống, vấn đề nhân đạo cũng như việc giải tỏa thù hận, ngăn chặn nọc độc của cuộc chiến tranh mới” [14;6]. Trong khi đó, theo đánh giá của tác giả Nguyễn Thanh Tú trong bài *Xu hướng phá vỡ cấu trúc nhân vật sử thi truyền thống trong Thượng Đức* nhận thấy sự đổi mới cơ bản về cấu trúc nhân vật của tác phẩm. Ở tiểu thuyết này, ranh giới giữa nhân vật và đời sống bị rút ngắn đến mức thấp nhất. Nguyễn Bảo đã tự làm mới tiểu thuyết của mình bằng cách viết đa chiều, nhìn cuộc chiến tranh khách quan hơn. Sự thật và tính hư cấu đã đan cài vào nhau nhuần nhuyễn [15].

Những phân tích, đánh giá trên đây cho thấy các nhà tiểu thuyết thời kì này đã không chỉ chú ý đến câu chuyện được kể mà đặc biệt chú ý đến cách kể. Bởi cách kể là một trong những yếu tố quan trọng hàng đầu làm nên giá trị của một tác phẩm. Đối với một thể loại năng động như tiểu thuyết, tìm tòi những cách kể mới là một công việc rất hấp dẫn và có nhiều “đất” để

sáng tạo. Qua những sáng tạo đó, chúng ta thấy giá trị của từng cuốn tiểu thuyết và giá trị của cả một giai đoạn văn học.

2.3. Tiếp cận tiểu thuyết hậu chiến Việt Nam từ góc nhìn thi pháp nhân vật

Trong thế giới nghệ thuật của tác phẩm, nhân vật luôn là yếu tố trung tâm, là chìa khóa để triển khai, để khơi mở vấn đề. Điều đó lí giải vì sao nhiều nhà nghiên cứu đến với tiểu thuyết thông qua việc quan sát nhân vật.

Tiểu thuyết luôn nhìn nhận con người ở góc độ đời tư. Con người chỉ là con người, nó không được cường điệu về sức mạnh. Chính vì vậy, nó ném trái đu mọi cay đắng của cuộc đời. Tiểu thuyết thời kì hậu chiến là mảng tiểu thuyết viết về con người đi ra từ cuộc chiến tranh nên xúc cảm về những đớn đau của cuộc đời càng rõ. Nhận định về nhân vật trong tiểu thuyết Việt Nam sau 1975, Lí Hoài Thu trong bài viết *Tiểu thuyết - Tâm vóc hiện thực và số phận con người* in trên *Tạp chí Văn nghệ quân đội* (số 2/2001) chú ý nhiều đến màu sắc bi kịch trong nhân vật tiểu thuyết giai đoạn này: “Ai cũng có những đoạn đời ghập ghềnh, chông gai, những nỗi niềm trắc ẩn, những thua thiệt, mất mát... Nhưng đó là nét bi kịch mang ý nghĩa thức tỉnh, luôn hướng tới sự hoàn thiện nhân cách” [16; 46].

Đồng quan điểm trên, nhà nghiên cứu Bùi Việt Thắng trong bài *Một đề tài không cạn kiệt* in trên *Tạp chí Văn nghệ quân đội* (số 2/1993) thì tâm đắc với hình tượng con người tâm linh: “Nhân vật của Chu Lai được thể hiện như những con người tâm linh. Đó là những con người trở về sau chiến tranh bị mất thăng bằng, khó tìm được sự yên ổn trong tâm hồn và họ sống trong cảm giác không bình yên” [17;50]. Tuy nhiên, như một lẽ đương nhiên, tâm điểm trong tiểu thuyết của Chu Lai cũng là của nhiều tiểu thuyết hậu chiến chính là hình tượng người lính. Bùi Việt Thắng nhận thấy chất lính trong nhân vật Chu với cách “ăn sống nói gió”. Họ thường bị cuộc đời quăng quật, đều được tôi luyện qua lửa đỏ và nước lạnh nhưng cũng vì thế, họ trở nên rắn rỏi, từng trải, quyết đoán và sắc bén trong cách hành xử [17;52]. Tác giả Hồng Diệu trong bài viết *Vấn đề của tiểu thuyết “Vòng tròn bội bạc”* in trên *Tạp chí Văn nghệ quân đội* (số 5/1991) thì cho rằng: “Tiểu thuyết của Chu Lai đề cập đến nhiều vấn đề. Nhưng bao trùm lên tất cả là chuyện người lính sau chiến tranh từ chiến trường trở về, người thì tha hóa, người thì bước vào cuộc chiến đấu mới. Cuộc chiến đấu của những người lương thiện chống lại kẻ bất lương, mà thật trớ trêu, có những người trước kia là đồng đội của nhau, nay đứng trên hai mặt trận đối lập” [7;22]. Ở góc độ khác, Mai Hải Oanh trong cuốn *Những cách tân nghệ thuật trong tiểu thuyết Việt Nam đương đại giai đoạn 1986-2006* của Nxb Hội Nhà văn (2009) cho rằng nhân vật trong tiểu thuyết của Chu Lai là những “nhân vật bi kịch”. “Họ là nạn nhân của cái xấu, cái ác. Đó là những người lính muốn sống trung thực, không chịu khuất phục tiền tài và quyền lực, không a dua theo kẻ xấu, kiên quyết đấu tranh đến cùng cho lẽ phải. Nhưng mỗi người gặp một kiểu bi kịch và cái ác bao giờ cũng muôn hình vạn trạng” [9;146]. Nguyễn Thanh Tú với bài viết “*Cuộc đời dài lắm*” - *Một tiểu thuyết có sức hấp dẫn* in trong *Tạp chí Văn nghệ Quân đội* (tháng 01/2002) đặt sự đổi mới vào những sáng tác của Chu Lai về đề tài người lính: “Ngòi bút tiểu thuyết Chu Lai vẫn cách xây dựng nhân vật đẩy đến tận cùng của bi kịch, con người của những mâu thuẫn, có khi thật quyết liệt dữ dội, có số phận tận cùng ngang trái, có nhân cách vô cùng cao thượng, lại có loại người tận cùng của sự gian xảo” [18; 51]. Đáng chú ý hơn, tác giả nhấn mạnh: Nhân vật trong tiểu thuyết Chu Lai là kiểu nhân vật vừa có chiều sâu lại vừa có cá tính và dường như thân phận của các nhân vật đó ngoài đời vốn cũng đã đầy những bi kịch. Đối với tiểu thuyết *Án mày dĩ vãng*, tác giả Đỗ Văn Khang trong bài viết *Cuộc tìm tòi về tiểu thuyết* trên báo Văn nghệ (số 43/1991) cho rằng: “Lối chạm khắc nhân vật trong *Án mày dĩ vãng* cũng có nhiều đóng góp mới. Ngày trước nhân vật thường mang ý nghĩa phổ quát, tức là có cái gì đó chung cho cả lớp người, còn nhân vật Hai Hùng của Chu Lai có số phận được miêu tả như một yếu tố cá biệt, độc nhất nhưng vẫn mang tính điển hình, “xuống cấp” về thương tật, vì sự hủy

hoại của mọi thứ vó vắn thời hậu chiến, nhưng vẫn nhất quán một bản lĩnh, một kiêu xông pha gần như bạt mạng không chịu chấp nhận cái gì đó lập lờ, tráo trở” [19;6].

Cùng với các tiểu thuyết của Chu Lai, các tiểu thuyết của Trung Trung Đĩnh và Nguyễn Bảo cũng được đánh giá cao về phương diện xây dựng nhân vật. Trong bài giới thiệu về *Tiễn biệt những ngày buồn* trên báo *Văn nghệ* (số 15/1990), tác giả Võ Hồng Ngọc cho rằng: “Đây là cuốn sách về bản thân ngày hôm nay mà ở đó chiến tranh vẫn hắt bóng xuống đời sống tinh thần của các nhân vật, vẫn là một món nợ quá khứ đang day dứt ám ảnh họ khôn nguôi. Các nhân vật trong *Tiễn biệt những ngày buồn* được khắc họa trong bối cảnh của một cuộc “hành hương” gian lao để tìm lại chính mình” [20;35]. Tác giả bài viết khẳng định “Tiểu thuyết *Tiễn biệt những ngày buồn*, xét trong chính thể cấu trúc tác phẩm là cuộc thí nghiệm cách tân đáng khích lệ”.

3. Kết luận

Như vậy, nếu coi lịch sử văn học là một dòng chảy thì dường như văn học trước năm 1975 mang giai điệu sôi nổi còn văn học sau 1975 trầm lắng hơn nhưng cũng sâu lắng hơn. Văn học Việt Nam thời kỳ hậu chiến (1975- 1985) là một giai đoạn đặc biệt, vừa tiếp nối giai đoạn trước trên nhiều phương diện, nhiều đặc điểm vừa sáng tạo dựa trên những nhận thức mới, cảm hứng mới để tạo ra những chuyển biến quan trọng của nền văn học. Sự tồn tại đan xen của những yếu tố cũ - mới, truyền thống - cách tân... đã tạo nên diện mạo và đặc trưng của giai đoạn này - giai đoạn giao thời thứ hai trong lịch sử văn học Việt Nam hiện đại - tạo tiền đề tích cực cho những cách tân của thời kỳ đổi mới. Nghiên cứu tiểu thuyết Việt Nam thời kỳ hậu chiến (1975-1985) dưới góc độ ý thức hệ, thi pháp thể loại, nhân vật, chúng tôi nhằm mục đích có cái nhìn khái quát về diện mạo của giai đoạn văn xuôi mang tính chuyển tiếp với những đặc trưng nhất định. Kết quả nghiên cứu giúp cho quá trình giảng dạy, học tập văn học Việt Nam từ 1945 - 1975 đến văn học sau 1975 ở phổ thông và đại học hệ thống và sâu sắc hơn. Thiết nghĩ, những điều bàn chưa tới hoặc chưa được bàn trong các nghiên cứu của các tác giả đi trước về vấn đề hậu chiến trong tiểu thuyết viết về chiến tranh sau 1975 vẫn là những “khoảng trống” trong lịch sử văn đề đòi hỏi chúng tôi tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện . . .

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bùi Việt Thắng, 1991. “Văn xuôi gần đây và quan niệm về con người”. *Tạp chí Văn học*, số 6, tr.17-23.
- [2] Đỗ Đức Hiền, 2000. “Thân phận tình yêu” của Bảo Ninh. *Thi pháp hiện đại*, Nxb Hội nhà văn, tr.265-274
- [3] M. Bakhtin, 1992. *Lí luận và thi pháp tiểu thuyết* (Phạm Vĩnh Cư tuyển chọn, dịch và giới thiệu). Trường viết văn Nguyễn Du, tr.32-33.
- [4] Phạm Xuân Thạch, 2009. “Nỗi buồn chiến tranh - viết về chiến tranh thời hậu chiến, từ chủ nghĩa anh hùng đến nhu cầu đổi mới bút pháp” (in trong cuốn *Văn học Việt Nam sau 1975 những vấn đề nghiên cứu và giảng dạy*). Nxb Giáo dục, tr.236-251.
- [5] Nguyễn Đăng Điệp, 2007. “Kĩ thuật dòng ý thức trong tiểu thuyết *Nỗi buồn chiến tranh*” (in trong sách *Tự sự học*. Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội, tr.399 - 405.
- [6] Phan Cự Đệ, 2001. “Tiểu thuyết Việt Nam những năm đầu thời đổi mới”, *Tạp chí Văn nghệ Quân đội*, số 3, tr. 99-105.
- [7] Hồng Diệu, 1991. “Vấn đề của tiểu thuyết Vòng tròn bội bạc”, *Tạp chí Văn nghệ Quân đội*, số 5, tr.19-26.

- [8] Tôn Phương Lan, 1980. “Chiến tranh qua những tác phẩm văn xuôi được giải”, *Tạp chí Văn học*, số 3, tr.24-30
- [9] Mai Hải Oanh, 2009. *Những cách tân nghệ thuật trong tiểu thuyết Việt Nam đương đại giai đoạn 1986-2006*. Nxb Hội Nhà văn, tr.158
- [10] Bích Thu, 2009. “ Ý thức cách tân trong tiểu thuyết Việt Nam sau 1975” (in trong cuốn *Văn học Việt Nam sau 1975 những vấn đề nghiên cứu và giảng dạy*). Nxb Giáo dục, tr.225-235.
- [11] Bùi Việt Thắng, 2006. “Nội lực Chu Lai”, *Tạp chí nhà văn*, số 8, tr.48.
- [12] Lí Hoài Thu, 1993. “ Tập truyện ngắn Phố nhà binh”. *Tạp chí Văn nghệ Quân đội*, số 7, tr.47-54.
- [13] Phạm Hoa, 1989. “Chim én bay - Một cách nhìn về chiến tranh”. *Báo Văn nghệ*, số 37, tr.6-11.
- [14] Ngô Vĩnh Bình, 1990. “Đồng hiện - Một thủ pháp nghệ thuật có hiệu quả trong tiểu thuyết Chim én bay”, *Báo Văn nghệ*, số 51, tr.6-12.
- [15] Nguyễn Thanh Tú, 2015. “Xu hướng phá vỡ cấu trúc nhân vật sử thi truyền thống trong Thượng Đức”, <https://vanhien.vn/news/Tieu-thuyet-su-thi-hom-nay-Nhung-khuynh-huong-doi-moi-23191>
- [16] Lí Hoài Thu, 2001. “Tiểu thuyết - Tầm vóc hiện thực và số phận con người”. *Tạp chí Văn nghệ Quân đội*, số 2, tr.46-52.
- [17] Bùi Việt Thắng, 1993. “Một đề tài không cạn kiệt”. *Tạp chí Văn nghệ Quân đội* số 2, tr.50-57
- [18] Nguyễn Thanh Tú, 2002. “Cuộc đời dài lắm - Một tiểu thuyết có sức hấp dẫn”. *Tạp chí Văn nghệ Quân đội*, số 1, tr. 51-57.
- [19] Đỗ Văn Khang, 1991. “ Cuộc tìm tòi về tiểu thuyết”. *Báo Văn nghệ* , số 43, tr.6-13.
- [20] Võ Hồng Ngọc, 1990. “Tiễn biệt những ngày buồn”. *Báo Văn nghệ* , số 15, tr.35-42.

ABSTRACT

Some research approaches on Vietnam's post-war novels

Nguyen Phuong Ha

Faculty of Literature, Hanoi Pedagogical University 2

Novel is actually seen as a kind of discourse which is produced under the control of many types of codes such as genre codes, linguistic codes, ideological codes, and historical codes. Within about 10 years after the war against America for the national reunification, Vietnamese novels have obtained remarkable achievements. They showed their own beauty, diversity and uniqueness, which make big differences compared to novels in the previous time. Therefore, many researchers have defined novels written in this period as post-war novels. Right after releasing, many novels have received strong attentions from the public. They are studied and analyzed from many different research approaches as ideological approach, poetic genre approach, or language innovation. In this article, we will present a systematic analysis of the above-mentioned research directions which helps to give deeper insight into the novels by two typical Vietnamese writers: Chu Lai and Bao Ninh.

Keywords: novels, post-war, Chu Lai, Bao Ninh.